

Số 238/QĐ - STNMT

Kon Tum, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở
và tài sản khác gắn liền với đất**

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tại Tờ trình số 757./TTr – VPĐKĐĐ, ngày 18/5/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 11 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp trên địa bàn thành phố Kon Tum. (có danh sách được lập kèm theo).

- Lý do thu hồi Giấy chứng nhận: Thu hồi đưa vào lưu trữ cùng hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện biến động đất đai.

Điều 2. Chánh Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum, , Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: Kon Tum

- Như điều 2;
- Trung tâm CNTT TN&MT(Đăng tin)
- Lưu: VT,VPĐKĐĐ.

 **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC


A BYOT

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT, QSH NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số: 238 /QĐ-STNMT, ngày 18 / 5 / 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai TP Kon Tum

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Hộ ông Nguyễn Thành	R 129028	29/03/2000	Hòa Bình	55	10	1300	ONT + HNK	
2	Nguyễn Thế Đông	CV485206	03/04/2020	Lê Lợi	456	18	148.4	HNK	
3	Hộ ông Phạm Văn Bảo và bà Vũ Thị Bích Ngọc	Đ 506008	18/06/2004	Trần Hưng Đạo	107a-1	4	255	ODT + HNK	
4	Đỗ Thanh Liêm	K 245640	01/07/1998	Đoàn Kết	8	6a	1005	ONT + HNK	
5	Đặng Trần Huân- Trần Thị Như Nguyệt	AM 477156	26/5/2008	Phường Duy Tân	14-GI	20	125.0	ODT	
6	Võ Thị Quý	CM 372034	07/04/2018	Phường Duy Tân	328	46	130.1	ODT+HNK	
7	Đỗ Xuân Hiệp	X 198998	23/2/2004	Phường Duy Tân	30	26	127.5	Thổ cư	
8	Dương Thị Thanh Tú	CV 554704	22/06/2012	Ngô Mây	55	21	1211	HNK	
9	Hộ bà Y Lơ	BH 413477	09/12/2011	Vinh Quang	330	36	649.5	ONT + HNK	
10	Hộ ông A Đim	T 888364	11/12/2001	Đăk Cấm	3	2	3194	ONT + HNK	
11	A Mưn	M 161587	02/06/1999	Thống Nhất	48	23	1538	ODT	